

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/11/2021		•	
Tuần 1/11-5/11/2021			•
Tháng 11/2021			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Hôm nay thị trường trải qua một phiên giảm điểm nhẹ. Trong phiên sáng, VN-Index giằng co quanh vùng 1445-1451, tuy nhiên sang đến phiên chiều, lực bán mạnh hơn khiến chỉ số giảm xuống và đóng cửa tại mốc 1439 điểm. Trong 7/19 ngành tăng điểm ngày hôm nay, ngành Dịch vụ tài chính và Ô tô & phụ tùng có mức tăng đáng kể trên 3%. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực, thanh khoản tăng so với phiên hôm trước. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này quay lại bán ròng hơn 1000 tỷ trên sàn HSX. Trong ngắn hạn, VN-Index có thể sẽ tiếp tục điều chỉnh quanh vùng đỉnh mới 1440.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo chỉ số cơ sở. Các nhà đầu tư có thể canh mua các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 01/11/2021, chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng điều chỉnh nhẹ của thị trường. Giá trị giao dịch suy giảm.

Phân tích kỹ thuật: SSI_Tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **-5.30** điểm, đóng cửa **1,438.97** điểm. HNX-Index **+3.42** điểm, đóng cửa **415.54** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+0.89)**, **DIG (+0.48)**, **VCI (+0.36)**, **BID (+0.31)**, **POW (+0.28)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-1.59)**, **HPG (-1.58)**, **GAS (-1.55)**, **VHM (-1.33)**, **VCB (-0.95)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **31,845** tỷ đồng, tăng **15.3%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 33,701 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 17.2 điểm. Thị trường có **216** mã tăng, 33 mã tham chiếu và **249** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1266.93** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-225.25 tỷ)**, **NLG (-163.82 tỷ)**, **SSI (-155.73 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-23.49** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1438.97**
Giá trị: 31844.65 tỷ **-5.3 (-0.37%)**
Khối ngoại (ròng): -1266.93 tỷ

HNX-INDEX **415.54**
Giá trị: 4110.43 tỷ **3.42 (0.83%)**
Khối ngoại (ròng): -23.49 tỷ

UPCOM-INDEX **105.95**
Giá trị: 2645.74 tỷ **0.57 (0.54%)**
Khối ngoại (ròng): -21.31 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	83.2	-0.50%
Giá vàng	1,782	-0.05%
Tỷ giá USD/VND	22,753	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,321	0.21%
Tỷ giá JPY/VND	19,918	-0.12%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	9.02%
LS TPCP 5 năm	0.9%	-0.11%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	57.2	HPG	-225.2
STB	42.3	NLG	-163.8
VCB	38.8	SSI	-155.7
VCI	26.3	MSN	-123.8
NTL	24.3	VNM	-118.8
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

SSI_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: SSI đang hình thành xu hướng hồi phục khá mạnh từ ngưỡng 41.4. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA20 và MA50 trong phiên hôm nay, ủng hộ xu hướng tăng giá tích cực. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 41.4, chốt lãi tại ngưỡng 47.4 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 40.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

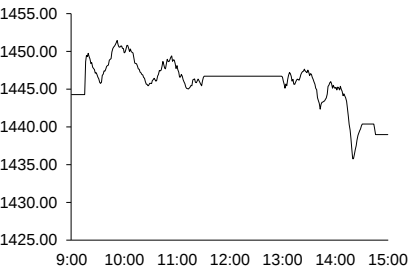
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	3.27%
Ô tô và phụ tùng	3.04%
Y tế	0.53%
Truyền thông	0.52%
Xây dựng và Vật liệu	0.32%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.12%
Ngân hàng	0.03%
Viễn thông	0.00%
Bất động sản	-0.14%
Công nghệ Thông tin	-0.14%
Hóa chất	-0.43%
Du lịch và Giải trí	-0.60%
Thực phẩm và đồ uống	-0.68%
Dầu khí	-0.78%
Bảo hiểm	-0.90%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.05%
Bán lẻ	-1.19%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.57%
Tài nguyên Cơ bản	-1.58%

Hình 1

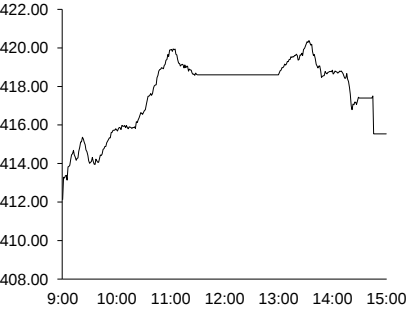
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

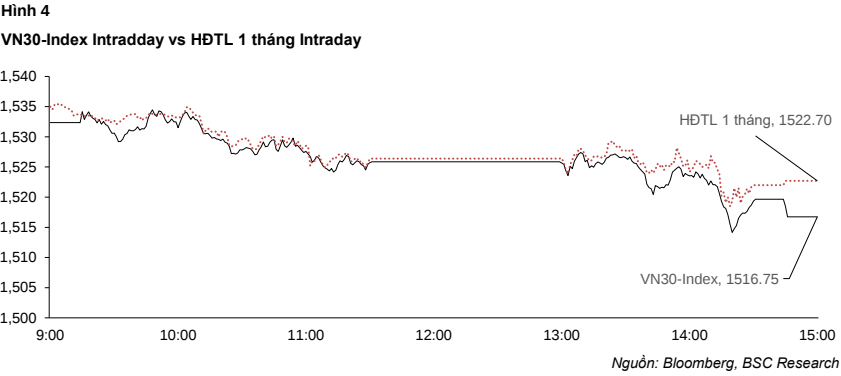
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/29/2021	CSV	51.1	63	48	54.3	3	6.26%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/28/2021	PHC	16.5	19.5	14.5	18.6	4	12.73%	Có thể tiếp tục mua
10/27/2021	FRT	51.1	58	48	54.9	5	7.44%	Có thể tiếp tục mua
10/26/2021	DBC	60.9	69	58.5	59.5	6	-2.30%	Có thể tiếp tục mua
10/25/2021	BVH	64.5	72.5	60	64.1	7	-0.62%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2021	C4G	12.5	14.5	11.3	14	10	12.00%	Có thể tiếp tục mua
10/20/2021	PHR	56.2	64.3	52.2	59.5	12	5.87%	Có thể tiếp tục mua
10/14/2021	HVH	10.2	11.8	9.8	11.05	18	8.33%	Có thể tiếp tục mua
10/6/2021	DRC	33.7	37	31.3	34.05	26	1.04%	Có thể tiếp tục mua
10/4/2021	GVR	37.1	44.5	36	39.35	28	6.06%	Có thể tiếp tục mua
9/28/2021	HPG	52.6	61.2	50.2	55.7	34	5.89%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/15/2021	VRE	28.55	32	27	31.15	47	9.11%	Cân nhắc không mua thêm (**)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/19/2021	MBG	11.5	14.3	10.5	TP	9	24.35%
10/18/2021	SD9	10.3	13.3	9	TP	4	29.13%
10/15/2021	TDT	14.6	17.3	13.5	TP	12	18.49%
10/13/2021	VNP	22.5	25.6	21.5	TP	14	13.78%
10/12/2021	NSH	18.7	20.8	17.5	SL	10	-6.42%
10/11/2021	VHM	81	88	79.5	SL	3	-1.85%
10/8/2021	VSC	62.5	70	60	TP	18	12.00%
10/7/2021	TIP	43.3	51.6	42.5	TP	25	19.17%
10/5/2021	VGC	34.65	39.55	32.5	TP	23	14.14%
10/1/2021	CII	18.5	20.5	17.7	TP	25	10.81%
9/30/2021	EVG	12.15	14	11.2	TP	29	15.23%
9/29/2021	NT2	20.8	23.5	20	TP	27	12.98%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	2	7.47%	-1.46%	5.98%	17
Cổ phiếu đã chốt	206	130	14.34%	-7.81%	5.77%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2111	1522.70	-0.72%	5.95	-20.2%	121,183	11/18/2021	19
VN30F2112	1520.50	-0.86%	3.75	23.5%	289	12/16/2021	47
VN30F2203	1519.70	-0.60%	2.95	7.8%	55	3/17/2022	138
VN30F2206	1516.00	-0.80%	-0.75	-17.2%	72	6/16/2022	229

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng -15.60 điểm xuống 1516.75 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, MSN, MSN, VPB, VHM tác động tiêu cực đến vận động giảm của VN30. Chỉ số đã điều chỉnh về vùng tích lũy cũ 1500-1520 điểm và có thể duy trì xu hướng tích lũy quanh ngưỡng 1520 điểm.
- Các HĐTL đều giảm điểm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2111 và VN30F2206 giảm, các HĐTL khác đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2111 và VN30F2203 giảm, các HĐTL khác đều tăng. Các nhà đầu tư có thể canh mua các HĐTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2108	12/10/2021	39	4:1	69,100	40.53%	1,820	770	2.67%	224	3.44	37,280	28,000	26,600
CSTB2109	3/7/2022	126	2:1	448,000	40.53%	2,300	1,660	2.47%	880	1.89	31,340	29,000	26,600
CVRE2108	12/27/2021	56	4:1	122,300	34.60%	1,450	1,130	0.00%	874	1.29	32,840	28,400	31,150
CKDH2106	2/10/2022	101	1:1	165,800	29.84%	2,500	4,550	-0.87%	3,376	1.35	52,500	49,000	49,000
CVNM2109	1/6/2022	66	5:1	415,700	20.81%	2,150	1,530	-1.92%	315	4.85	99,300	95,000	90,000
CVPB2106	1/19/2022	79	5:1	236,900	32.86%	2,500	2,190	-2.67%	0	27,375.00	67,450	65,000	37,550
CMBB2104	1/19/2022	79	2:1	220,200	32.75%	2,900	1,180	-4.07%	317	3.72	34,780	32,000	28,400
CTCB2110	2/4/2022	95	7:1	1,247,900	35.00%	1,500	1,150	-4.17%	437	2.63	62,330	54,000	51,600
CHPG2113	3/7/2022	126	4:1	213,400	33.77%	2,400	3,220	-4.45%	1,798	1.79	59,860	51,500	55,700
CVNM2110	1/10/2022	70	9.83:1	238,900	20.81%	1,400	1,070	-4.46%	362	2.96	102,037	90,241	90,000
CFPT2105	1/6/2022	66	4.95:1	1,163,900	27.05%	3,500	3,200	-4.48%	2,451	1.31	102,123	86,000	95,800
CMWG2108	3/14/2022	133	5:1	1,100	32.49%	3,500	3,750	-5.30%	2,659	1.41	132,900	126,000	130,000
CVNM2108	12/6/2021	35	10:1	86,900	20.81%	2,100	1,620	-5.81%	1,042	1.55	91,300	80,000	90,000
CPNJ2107	2/10/2022	101	5:1	42,100	27.57%	2,500	1,080	-6.09%	609	1.77	114,700	110,000	101,100
CKDH2105	12/27/2021	56	4:1	168,300	29.84%	2,150	2,970	-6.31%	2,922	1.02	39,720	37,600	49,000
CHPG2114	4/27/2022	177	10:1	1,921,800	33.77%	1,200	1,130	-6.61%	531	2.13	90,689	56,789	55,700
CVNM2107	1/7/2022	67	10:1	194,900	20.81%	1,500	810	-7.95%	90	8.96	104,800	98,000	90,000
CPNJ2105	1/6/2022	66	5:1	206,200	27.57%	3,300	2,470	-8.18%	1,766	1.40	101,550	9,500	101,100
CVJC2101	1/6/2022	66	5:1	153,900	21.57%	3,550	3,370	-8.67%	2,408	1.40	131,000	120,000	130,000
CVRE2107	12/2/2021	31	10:1	195,100	34.60%	1,200	410	-8.89%	56	7.35	48,879	33,179	31,150
Tổng				7,443,300	29.03%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 01/11/2021, chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng điều chỉnh nhẹ của thị trường.
- CVPB2108 và CVHM2111 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt là 7.46% và 2.67%. Giá trị giao dịch giảm -7.33%. CHPG2114 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.27% thị trường.
- CMWG2109, CHPG2110, CHPG2111, và CMSN2105 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2111, CSTB2106, CHPG2112, và CHDB2103 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2109, CMSN2105, và CKDH2105 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	Hiện điều chỉnh	-1.1%	0.9	4,029	6.4	6,326	20.5	5.1	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	101.1	-2.8%	1.0	999	3.0	4,214	24.0	4.1	48.1%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	64.1	-0.9%	1.4	2,069	5.0	2,473	25.9	2.3	26.6%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	51.3	-2.7%	0.5	522	2.6	4,211	12.2	1.6	56.3%	13.7%
VIC	Bất động sản	95.8	0.0%	0.7	15,850	9.2	1,248	76.8	3.6	13.7%	5.1%
VRE	Bất động sản	31.2	-0.2%	1.1	3,078	13.9	954	32.7	2.3	29.9%	7.4%
VHM	Bất động sản	84.3	-1.4%	1.0	15,960	36.3	8,287	10.2	4.2	22.8%	40.3%
DXG	Bất động sản	23.8	-1.7%	1.3	615	11.7	1,379		1.7	29.3%	11.0%
SSI	Chứng khoán	41.4	2.2%	1.5	1,768	42.6	2,172	19.1	3.6	43.0%	16.5%
VCI	Chứng khoán	68.0	6.1%	1.0	985	36.1	4,165	16.3	3.6	19.8%	26.7%
HCM	Chứng khoán	39.5	3.4%	1.6	786	10.0	2,651	14.9	3.1	46.8%	22.1%
FPT	Công nghệ	95.8	-1.1%	0.9	3,780	12.0	4,443	21.6	5.1	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	79.4	-0.1%	0.4	1,133	0.1	4,304	18.4	5.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	121.3	-2.6%	1.3	10,094	11.2	4,283	28.3	4.7	2.6%	17.6%
PLX	Dầu khí	53.9	-0.4%	1.5	2,978	4.3	3,216	16.8	2.7	17.5%	17.9%
PVS	Dầu khí	29.4	-3.0%	1.7	611	15.1	1,136	25.9	1.2	7.9%	4.4%
BSR	Dầu khí	24.5	-1.2%	0.8	3,303	14.4	(909)		2.4	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	102.3	-1.4%	0.4	582	0.2	6,020	17.0	3.7	54.4%	22.6%
DPM	Hóa chất	49.8	1.6%	0.8	847	10.3	4,018	12.4	2.2	10.3%	18.6%
DCM	Hóa chất	34.0	2.1%	0.7	783	13.9	1,701	20.0	2.7	4.4%	13.7%
VCB	Ngân hàng	97.0	-1.0%	1.1	15,642	4.5	5,697	17.0	3.3	23.5%	20.8%
BID	Ngân hàng	41.8	0.7%	1.3	7,310	6.0	2,449	17.1	2.1	16.6%	12.6%
CTG	Ngân hàng	32.2	2.2%	1.3	6,728	25.1	3,449	9.3	1.6	24.5%	18.6%
VPB	Ngân hàng	37.6	-1.3%	1.2	7,258	10.7	2,781	13.5	2.7	15.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.4	-0.4%	1.2	4,665	13.2	2,940	9.7	1.9	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	32.7	-0.9%	1.0	3,841	7.5	3,599	9.1	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	60.0	0.0%	0.7	214	0.7	2,574	23.3	2.2	83.7%	9.1%
NTP	Nhựa	58.5	-0.8%	0.5	300	0.2	3,574	16.4	2.5	18.7%	15.4%
MSR	Tài nguyên	26.3	-2.2%	0.7	1,257	1.1	39	674.4	2.1	10.1%	0.3%
HPG	Thép	55.7	-2.5%	1.1	10,832	110.7	5,616	9.9	3.4	25.0%	39.8%
HSG	Thép	46.0	-3.0%	1.4	987	35.2	8,823	5.2	2.3	12.0%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	90.0	-0.8%	0.6	8,178	20.0	4,511	20.0	6.0	54.8%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	162.0	0.9%	0.8	4,517	1.0	5,883	27.5	4.9	62.7%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	145.5	-3.6%	0.9	7,468	10.7	2,031	71.6	8.0	32.2%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	22.4	1.8%	1.2	613	10.1	1,066	21.0	1.7	7.3%	7.4%
ACV	Vận tải	86.0	-1.3%	0.8	8,140	0.2	577	149.0	5.0	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	130.0	-1.5%	1.1	3,061	5.6	279		4.2	17.1%	0.9%
HVN	Vận tải	24.7	-0.4%	1.7	2,382	0.8	(7,153)		N/A	N/A	9.3%
GMD	Vận tải	51.6	-1.3%	1.0	676	9.1	1,443	35.8	2.5	39.7%	6.7%
PVT	Vận tải	25.0	0.0%	1.3	351	6.5	2,443	10.2	1.6	14.1%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	125.0	-2.6%	0.9	870	1.6	10,231	12.2	4.2	3.7%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	41.1	-0.6%	0.5	800	3.5	2,122	19.3	2.8	4.1%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.0	-3.0%	0.9	398	5.0	1,212	19.8	1.6	3.2%	8.2%
CTD	Xây dựng	73.1	1.7%	1.0	235	1.9	2,005	36.5	0.7	44.9%	1.8%
CII	Xây dựng	22.9	2.0%	0.6	238	8.6	12	1933.9	1.2	21.3%	0.6%
REE	Điện	72.0	-3.7%	-1.4	967	5.2	5,541	13.0	1.8	49.0%	14.7%
PC1	Điện	42.2	1.0%	-0.4	350	5.6	3,365	12.5	1.9	6.2%	17.5%
POW	Điện	13.1	3.6%	0.6	1,334	18.8	1,240	10.6	1.0	2.9%	8.7%
NT2	Điện	23.2	-1.1%	0.5	290	1.2	2,063	11.2	1.6	14.3%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	49.0	0.7%	1.1	1,214	23.3	1,706	28.7	1.8	15.4%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	52.1	-2%	1.0	2,345	1.6			3.5	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	32.20	2.22	0.89	17.98MLN
DIG	54.40	6.88	0.39	11.11MLN
VCI	68.00	iên điều chỉ	0.34	12.42MLN
BID	41.80	0.72	0.32	3.29MLN
SHB	28.50	1.97	0.28	18.04MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-1.68	1.67MLN	1.11MLN
HPG	0.00	-1.66	45.22MLN	607060
GAS	0.00	-1.62	2.08MLN	373600
VHM	0.00	-1.38	9.72MLN	192700
VCB	0.00	-0.98	1.06MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCE	21.40	7.00	0.01	1.21MLN
TTB	9.79	6.99	0.01	6.71MLN
HAG	5.51	6.99	0.09	29.93MLN
IDI	9.19	6.98	0.04	4.56MLN
VIX	23.75	6.98	0.05	6.84MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L10	23.45	-6.94	-0.01	2100
TNC	32.20	-6.94	-0.01	50000
VFG	51.00	-6.76	-0.03	100.00
PTC	10.40	-6.31	0.00	900
SMA	10.50	-4.98	0.00	1800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	40.40	4.94	1.03	12.13MLN
L14	218.90	10.00	0.66	185500.00
IDJ	61.70	9.98	0.55	1.11MLN
THD	235.00	0.43	0.47	737700.00
APS	38.20	9.77	0.38	4.32MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	29.40	-2.97	-0.38	11.61MLN
VCS	125.00	-2.57	-0.19	292500
HUT	12.80	-1.54	-0.09	2.83MLN
PVI	51.30	-2.66	-0.09	1.14MLN
IDC	73.90	-0.27	-0.09	4.39MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

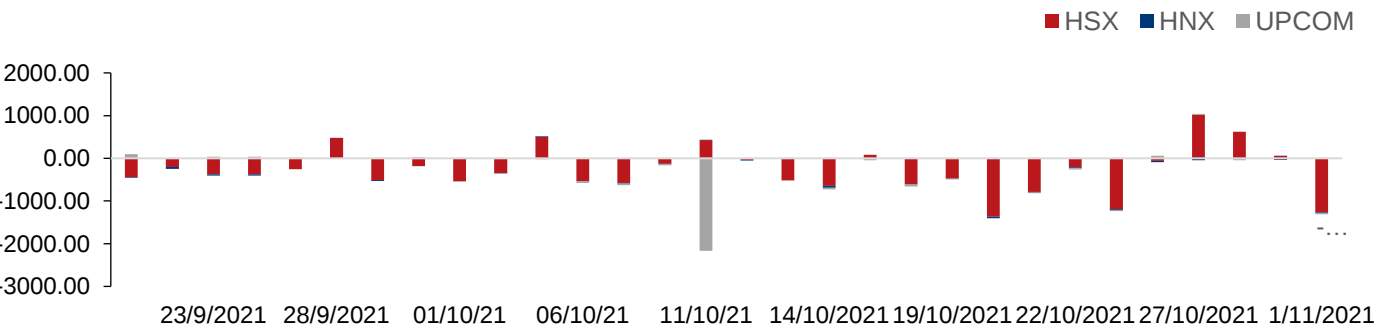
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	81.40	10.0	0.12	1600
L14	218.90	10.0	0.66	185500
NDX	12.10	10.0	0.00	284400
IDJ	61.70	10.0	0.55	1.11MLN
API	81.90	9.9	0.19	442900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPC	21.80	-9.92	-0.01	3000
ADC	24.60	-8.89	-0.01	1600
L35	5.50	-8.33	0.00	8000
VE8	11.30	-8.13	0.00	14900
NFC	14.10	-7.84	-0.01	9400

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.7	3,599	9.1	2.1	Click
2	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
3	ANV	Phiên điều chỉnh	Mua	27/6/21	32.4	38.7	35.5	1,267	28.0	1.9	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	14.0	566	24.7	1.4	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	12.1	-511		1.1	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	54.3	3,855	14.1	2.2	Click
7	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	32.2	3,449	9.3	1.6	Click
8	DBC	Bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	71.3	59.5	8,518	7.0	1.4	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	34.0	1700.7	20.0	2.7	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	155.7	7,258	21.5	5.4	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	113.5	5,163	22.0	7.2	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	85.9	5,988	14.3	4.3	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	49.8	4,018	12.4	2.2	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	34.1	2,633	12.9	2.3	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	23.8	1,379		1.7	Click
16	FPT	Viễn thông	Mua	18/8/21	93.8	107.0	95.8	4,443	21.6	5.1	Click
17	GAS	Dầu khí	mua	6/9/21	90.4	109.4	121.3	4,283	28.3	4.7	Click
18	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	39.4	1,244	31.6	3.2	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	55.7	5,616	9.9	3.4	Click
20	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	46.0	8,823	5.2	2.3	Click
21	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	12.8	-1,113		1.2	Click
22	ITD	Công nghệ	Mua	17/9/21	19.9	22.0	24.6	1,251	19.7	1.7	Click
23	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	n/a	49.0	1,856	26.4	3.2	Click
24	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	55.7	6,706	8.3	1.9	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	89.2	6,547	13.6	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	118.9	140.4	130.0	6,326	20.5	5.1	Click
27	NKG	Thép	Theo dõi	1/9/21	39.5	46.5	53.3	9,467	5.6	2.2	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	5/8/21	43.8	46.4	58.2	4,788	12.2	2.3	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.2	2,063	11.2	1.6	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	42.2	3,365	12.5	1.9	Click
31	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	101.1	4,214	24.0	4.1	Click
32	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	13.1	1,240	10.6	1.0	Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	27.5	0	1249.9	0.9	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	29.4	1,136	25.9	1.2	Click
35	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.4	1,066	21.0	1.7	Click
36	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	42.2	1,064	39.7	4.3	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	52.3	16114.6	3.2	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	51.6	4,965	10.4	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.0	5,697	17.0	3.3	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	25.0	570	43.9	2.0	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	6/9/21	49.6	61.0	64.5	4,475	14.4	2.1	Click
42	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	84.3	8,287	10.2	4.2	Click
43	VNM	Bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	90.0	4,511	20.0	6.0	Click
44	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	37.6	2,781	13.5	2.7	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	31.2	954	32.7	2.3	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	71.5	5,812	12.3	2.0	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	81.0	3,256	24.9	6.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
3	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
5	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
6	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
9	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
12	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
13	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
14	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
16	Banking Sector Outlook		x	Click
17	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
19	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
20	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
21	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
22	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
24	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
25	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
26	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
27	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
29	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
30	Fishery Outlook 2021		x	Click
31	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
32	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
33	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
34	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
35	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
36	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
37	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
40	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639